

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24-9-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đăng Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Ông Vũ Văn Lầy

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 604/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 666/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; tạm trú tại: Tổ T 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng N; nơi cư trú: Tổ Q 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn trình bày: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 29/02/2000. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải, cuộc sống vợ chồng, căng thẳng, không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn,

mâu thuẫn đã quá nghiêm trọng, không thể đoàn tụ được nên chị Phạm Thị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hồng N.

Bị đơn trình bày: Anh Nguyễn Hồng N xác nhận việc kết hôn và sống ly thân như chị Phạm Thị H trình bày là đúng. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng sống ly thân là do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2019 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, không liên lạc hỏi han. Nay chị Phạm Thị H xin ly hôn thì anh Nguyễn Hồng N không muốn ly hôn nhưng nếu chị Phạm Thị H kiên quyết muốn ly hôn thì anh Nguyễn Hồng N cũng đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị H.

Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N đều khai: Có 01 con chung là Nguyễn Hồng S, sinh ngày 12/9/2000; đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hồng N. Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N có 01 con chung là Nguyễn Hồng S, sinh ngày 12/9/2000; đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Hồng N; nơi cư trú: Tổ Q 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a và b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải

Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn **số 07, quyển số 1.2000** ngày 29/02/2000. Vì vậy, hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau, hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Phạm Thị H xin ly hôn với anh Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Hồng N cũng đã đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của chị Phạm Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Hồng N là phù hợp pháp luật.

[5] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N có 01 con chung là Nguyễn Hồng S, sinh ngày 12/9/2000; đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về con chung.

[6] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a và b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N.
2. Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N có 01 con chung là Nguyễn Hồng S, sinh ngày 12/9/2000; đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015353 ngày 29/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng, chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường P;
- Lưu: HS, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đăng Trình